TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2018

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính

2. Ông Hoàng Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Phúc L, sinh năm 1978 (anh L có yêu cầu xin vắng mặt ngày 26/02/2018)

Địa chỉ: tổ 7, ấp THĐ, xã XT. Huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Trương Mỹ D, sinh năm 1981 (chị D có yêu cầu xin vắng mặt ngày 30/01/2018)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2018, biên bản hòa giải ngày 30/01/2018 anh Lê Phúc L trình bày:*

Anh L và chị D tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với chị D.

Con chung tên Lê Tường D, sinh ngày 20/9/1998 và Lê Thúy D, sinh ngày 14/9/2000 hiện cháu Tường D do anh L nuôi dạy, cháu Thúy D do chị D nuôi dạy. Khi ly hôn anh L giao cháu Thúy D cho chị D tiếp tục nuôi dạy, cháu Tường D đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu giải quyết. Anh L không cấp dưỡng nuôi cháu Thúy D.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh L không yêu cầu giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 30/01/2018 cũng như tại biên bản hòa giải ngày 30/01/2018 chị Trương Mỹ D trình bày:*

Chị thống nhất với phần trình bày của anh L về mối quan hệ như: Hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng.

Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị thống nhất chấm dứt mối quan hệ theo yêu cầu của anh L. Con chung chị yêu cầu nuôi dạy cháu Thúy D nhưng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Phúc L khởi kiện với bị đơn là chị Trương Mỹ D. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Chị D có nơi cư trú tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh L và chị D đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời anh L, chị D có tham gia phiên họp và hòa giải. Tại biên bản ngày 30/01/2018 của chị D và tại đơn yêu cầu ngày 26/02/2018 của anh L có yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì lý do anh L và chị D đi làm nên đi lại khó khăn. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L, chị D theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh Lê Phúc L và chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị D chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Lê Phúc L và chị Trương Mỹ D là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh L và chị D có hai người con chung tên Lê Tường D, sinh ngày 20/9/1998 và Lê Thúy D, sinh ngày 14/9/2000. Hiện nay, cháu Tường D đã trưởng thành và có gia đình riêng; cháu Thúy D do chị D nuôi dạy. Tại biên bản ngày 30/01/2018 anh L thống nhất giao cháu Thúy D cho chị D tiếp tục nuôi dạy theo yêu cầu của chị D. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần tiếp tục giao cháu Lê Thúy Duy cho chị D tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Thúy Duy và cũng phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của luật Hôn nhân và gia đình. Anh L không trực tiếp nuôi dạy cháu D nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Riêng cháu Lê Tường D đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2018 cũng như tại biên bản ngày 30/01/2018 chị D không có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thúy Duy nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Anh L và chị D xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Thời gian chung sống, anh L và chị D xác định anh chị không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng; Tại đơn xác nhận ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau đã xác nhận thời gian anh L và chị D chung sống với nhau tại địa phương không bị ai thưa kiện về nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Phúc L phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Phúc L và chị Trương Mỹ D là vợ chồng.

2.Về con chung: Giao cháu Lê Thúy D, sinh ngày 14/9/2000 cho chị Trương Mỹ D tiếp tục nuôi dạy. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Thúy D. Anh L không trực tiếp nuôi dạy cháu Thúy D nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Riêng cháu Lê Tường D đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xét.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Phúc L phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 30 tháng 01 năm 2018 anh L có dự nộp 300.000 đ (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005255 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa